| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIM ĐỘNG**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 107/2020/QĐST-HNGĐ. | Kim Động, ngày 19 tháng 11 năm 2020. |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Q (tức H) - Sinh năm 1978.

Quê quán: Thôn Đ - xã H - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Nơi ĐKHKTT: Thôn M - xã N - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Q - Sinh năm 1976.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu: Nguyễn Như Y - Sinh ngày 05/11/2006.
- Cháu Nguyễn Cát T - Sinh ngày 26/3/2009.

Đều ĐKHKTT: Thôn M - xã N - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

4. Những người đại diện theo pháp luật cho cháu Y và cháu T: Chị Đỗ Thị Q và anh Nguyễn Hồng Q.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Đỗ Thị Q và anh Nguyễn Hồng Q.

**II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Q và anh Nguyễn Hồng Q đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Q và anh Q đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 01/7/2002; Nguyễn Như Y, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Cát T, sinh ngày 26/3/2009. Hiện nay cháu H đã thành niên và tự lập được nên anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Như Y và cháu Nguyễn Cát T, hiện nay các cháu đang ở cùng với anh Q. Chị Q và anh Q thỏa thuận, giao anh Q được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu Như Y và cháu Cát T đến tuổi thành

niên. Chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q là 1.000.000đồng/tháng/cháu. Tổng là 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Thời hạn cấp dưỡng, kể từ tháng 11/2020 cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Chị Q được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Chị Q và anh Q tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Q nhất trí để chị Q tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0001888 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Tiến Lũng**

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.